

# CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG SẠCH HOÀNG QUÂN Q29

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG SẠCH HOÀNG QUÂN Q29

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Q29 HOANG QUAN CLEAN ENERGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: Q29 HOANG QUAN CE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110483247

3. Ngày thành lập: 21/09/2023

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 02, đường Quốc lộ 2, thôn Điền Xá, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865.000.213

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                        | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                               | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                          | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa | 4610        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                      | 4663        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất                                                   | 7410        |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                | 3100        |
| 9.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                       | 3311        |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                   | 3312        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                       | 3314        |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                      | 3320(Chính) |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                            | 4101        |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                      | 4102        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                | 4211        |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                 | 4212        |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                     | 4221        |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                          | 4222        |

|     |                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                            | 4223 |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                             | 4229 |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                      | 4291 |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                               | 4292 |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                         | 4293 |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299 |
| 25. | Phá dỡ<br>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phỏ bom, mìn                                                                                             | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phỏ bom, mìn                                                                                  | 4312 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                         | 4321 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4761 |
| 29. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu.                                 | 4764 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dầu hoả, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 16.000.000.000 VNĐ

#### **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN HOÀNG QUÂN | Việt Nam  | Số nhà 297, đường Trần Phú, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam | 8.000.000.000         | 50,000    | 063031373                                                                                               |         |
| 2   | LÊ PHÚ THỜI     | Việt Nam  | Thôn Quang Trung, Xã Hoàng Thanh, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam             | 8.000.000.000         | 50,000    | 174031401                                                                                               |         |

#### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN HOÀNG QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 063031373

Ngày cấp: 15/04/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai

Địa chỉ thường trú: Số nhà 297, đường Trần Phú, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 297, đường Trần Phú, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội